

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 523/2021/DS-PT

Ngày: 07/6/2021

V/v Tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Ông Nguyễn Bá Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H: Ông Đỗ Văn Hiếu -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 02 và 07 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2014/TLPT-DS ngày 12 tháng 03 năm 2014 về việc “tranh chấp thừa kế nhà đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 744/2013/DS-ST ngày 17/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1528/2021/QĐ-PT ngày 08/04/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4705/2021/QĐ-PT ngày 06/05/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Triệu Văn Nh (chết năm 2019).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nh:

- Bà Trần Thị Th, sinh năm 1936.

Người đại diện hợp pháp của bà Th: Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1961 (theo Giấy ủy quyền số công chứng 003945, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/6/2020 của Văn phòng Công chứng C).

Địa chỉ liên lạc: Số 207/22 đường T, Phường B, Quận B, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th: Ông Nguyễn Vũ Đ -
Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Quang B.

Địa chỉ: Số 820 đường T, Phường B, Quận N, Thành phố H.

- Bà Triệu Thị Thu H1, sinh năm 1962.
- Ông Triệu Tiến Đ, sinh năm 1963.
- Ông Triệu Tiến D, sinh năm 1965.
- Ông Triệu Tiến Đ1, sinh năm 1967.
- Ông Triệu Tiến Đ2, sinh năm 1969.
- Ông Triệu Phúc Đ3, sinh năm 1971.
- Ông Triệu Phúc V, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Số 64 đường T, Phường L, Quận N, Thành phố H.

- Bà Triệu H Thị Thu (Triệu Thị Thu H), sinh năm 1975.

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp của bà Hà: Ông Triệu Phúc V, sinh năm 1973
(theo Văn bản ủy quyền được chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự số 236-08
HPHLS ngày 29/8/2020 của Tổng Lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại
San Francisco).

Địa chỉ: Số 64 đường T, Phường L, Quận N, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 57/2 ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Ông Nguyễn Văn Ch
- Luật sư của văn phòng luật sư Minh V.

Địa chỉ: Số 135 đường M, Phường B, Quận T, Thành phố H.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 57/2P ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A: Ông Nguyễn Văn Ch -
Luật sư của văn phòng luật sư Minh V.

Địa chỉ: Số 135 đường M, Phường B, Quận T, Thành phố H.

3.2. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 115/4B ấp T, xã Đ, huyện M Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 57/2L ấp L, xã Đ, huyện M Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Ông Nguyễn Văn Ch -
Luật sư của văn phòng luật sư Minh Vũ.

Địa chỉ: Số 135 đường M, Phường B, Quận T, Thành phố H.

3.3. Ông Nguyễn Văn D (chết năm 2019).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962, ông Nguyễn Minh Hiếu, sinh năm 1985, bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Số 57/2B ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố H.

3.4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962.

3.5. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1985.

3.6. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: 57/2B ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bà H, ông H, bà T: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1957 (theo giấy ủy quyền công chứng số 010561 quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/6/2020 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Thu H).

Địa chỉ: Số 57/2P ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố H.

3.7. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968.

3.8. Ông Lê Tự L, sinh năm 1965.

3.9. Bà Phạm Thị Bích H, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Số 57/2P ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố H.

3.10. Bà Trần Thị Song Th.

3.11. Ông Nguyễn Trần Hoàng D.

Cùng địa chỉ: Số 57/2 ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố H.

3.12. Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1953.

3.13. Ông Vũ Thành A, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Số 57/2A đường H, tổ S, ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vĩnh: Ông Nguyễn Văn Ch - Luật sư của văn phòng luật sư Minh V.

Địa chỉ: Số 135 đường M, Phường B, Quận T, Thành phố H.

3.14. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1962.

3.15. Ông Huỳnh Chí T, sinh năm 1982.

3.16. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1982.

3.17. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969.

3.18. Ông Huỳnh Văn D1, sinh năm 1969.

3.19. Ông Sơn H, sinh năm 1984.

3.20. Bà Cô Thị H, sinh năm 1991.

3.21. Bà Huỳnh Thị Chí Q, sinh năm 1973.

3.22. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1992.

3.23. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1999.

3.24. Bà Huỳnh Thị Kim X, sinh năm 2002.

3.25. Ông Phạm Ngọc Th, sinh năm 1963.

3.26. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1973.

3.27. Ông Lê Minh D, sinh năm 1968.

3.28. Ông Vũ Quốc T, sinh năm 1966.

3.29. Bà Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1971.

3.40. Bà Tăng Huệ B, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Các nhà không số, sau nhà số 57/2F ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố H.

3.41. Ông Huỳnh Tấn B, sinh năm 1982.

3.42. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984.

3.43. Trẻ Huỳnh Thị Bảo Ng, sinh năm 2008.

3.44. Trẻ Huỳnh Tấn Ph, sinh năm 2010.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Huỳnh Thị Bảo Ng và Huỳnh Tấn Ph: Ông Huỳnh Tấn B, Bà Nguyễn Thị H1.

3.45. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970.

3.46. Ông Huỳnh Minh A, sinh năm 1956.

3.47. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Số 57/2D tổ 16 ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố H.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim V, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị H1.

Các đương sự có mặt: Ông Nguyễn Hồng H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim V, ông Vũ Thành A.

Luật sư Nguyễn Văn Ch và luật sư Nguyễn Vũ Đ có mặt

Các đương sự vắng mặt: Bà Triệu Thị Thu H1, ông Triệu Tiến Đ, ông Triệu Tiến D, ông Triệu Tiến Đ1, ông Triệu Tiến Đ2, ông Triệu Phúc Đ3, ông Triệu Phúc V có đơn xin xét xử vắng mặt. Các ông (bà) Lê Tự L, Phạm Thị Bích H, Trần Thị Song Th, Nguyễn Trần Hoàng D, Huỳnh Thị M, Huỳnh Chí T, Lê Thị Y, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Văn D1, Sơn H, Cô Thị H, Huỳnh Thị Chí Q, Huỳnh Văn C, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thị Kim X, Phạm Ngọc Th, Ngô Thị H, Huỳnh Tấn B, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị T1, Huỳnh Minh A, Nguyễn Thị D, Lê Minh D, Vũ Quốc T, Nguyễn Thị Kim Ch, Tăng Huệ B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2000 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Triệu Văn Nh và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày:

Ba mẹ ông Triệu Văn Nh là ông Triệu Văn Ch (tự Chi) chết năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, chết năm 1979. Ba mẹ ông Nh có 03 người con chung là Nguyễn Văn Kh (sinh năm 1926, chết năm 2000), Triệu Văn Nh (sinh năm 1929) và Triệu Thị K (chết lúc nhỏ).

Khi còn sống ông Ch và bà L có khối tài sản gồm 2.097m², đất vườn thuộc thửa 983, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện M. Hiện tại, theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm Đo đạc Bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập theo Hợp đồng số 76131/CN HM ngày 26/08/2011 có diện tích 2.331,6 m².

Về nguồn gốc đất: Đất này do ông Nguyễn Văn Th đứng bộ, sau khi ông Th chết thì bà L trực tiếp canh tác sử dụng từ năm 1945. Đến năm 1948, ông Ch và bà L có xây cất trên đất một căn nhà diện tích 44m² (ngang 5,5m x dài 8m) với hiện trạng mái ngói, tường gạch block, nền gạch tàu.

Năm 1966 ông Ch chết, năm 1979 bà L chết. Sau đó, ông Nguyễn Văn Kh quản lý sử dụng nhà đất nêu trên.

Năm 1998 ông Nh và ông Kh có làm tờ tương phân nhà đất với nội dung là thỏa thuận căn nhà số 57 ấp L, Đ, M để thờ cúng ông bà, còn phần đất thì ông Kh được quyền hưởng hai phần, ông Nh được hưởng một phần nhưng sau đó, ông Kh tìm mọi cách hủy bỏ tờ tương phân nên giữa ông Nh và ông Kh phát sinh tranh chấp, trong quá trình giải quyết tranh chấp thì ông Kh chết, các con ông Kh là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim V, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim H tiếp tục sử dụng phần đất của ông Ch, bà L để lại. Căn nhà số 57/2 ấp L, Đ, M do ông Nguyễn Văn H ở, đến năm 1990 ông H sửa mới lại nhà như hiện trạng hiện nay. Do đó, ông Nh khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà với số tiền 25.000.000 đồng và yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất có diện tích là 2.331,6 m².

Bị đơn - ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H là con ruột của ông Nguyễn Văn Kh (chết năm 2000) và bà Nguyễn Thị Đ (chết năm 2002). Ông Kh là con ruột của ông Triệu Văn Ch (chết năm 1966) và bà Nguyễn Thị L (chết năm 1979). Ông Ch và bà L có 02 người con chung là ông Nguyễn Văn Kh và ông Triệu Văn Nh. Ông Kh và bà Định có 06 người con chung là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim V, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim H.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Triệu Văn Nh về việc được chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà với số tiền 25.000.000 đồng và yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất có diện tích là 2.331,6 m² thì ông H không đồng ý vì:

Nguồn gốc đất thuộc thửa 983, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại số 57/2 ấp L, xã Đ, huyện M có nguồn gốc của cha ông H là ông Nguyễn Văn Kh. Ông Kh trực tiếp canh tác sử dụng từ năm 1979, trên phần đất này có tồn tại 01 căn nhà lá nhỏ, nền đất, vách đất do ông Kh tạo dựng. Năm 1990 do nhà xuống cấp hư hỏng nên ông đã phá dỡ và xây dựng lại căn nhà mới số 57/2 ấp L, xã Đ, huyện M như hiện nay. Đến năm 2000 ông Kh chết, ông tiếp tục sử dụng phần nhà đất 57/2 ấp L có diện tích khoảng 505m², ngoài phần diện tích này thì phần đất còn lại cho các anh chị em ông sử dụng có đăng ký kê khai. Phần tài sản tranh chấp trên là tài sản của ông Nguyễn Văn Kh, không phải là di sản của ông Triệu Văn Ch và bà Nguyễn Thị L vì khi còn sống ông Ch, bà L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn ông Kh là người có quá trình sử dụng đất ổn định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim V, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim H trình bày thống nhất ý kiến với ông Nguyễn Văn H và không đồng ý yêu cầu xin chia thừa kế nhà đất của nguyên đơn. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu độc lập trong vụ kiện này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 744/2013/DS-ST ngày 17/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố H tuyên xử:

Áp dụng:

- Khoản 5 Điều 25; Điểm a, khoản 1, Điều 33; Điểm c, khoản 1 Điều 35; Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 631, 632, 635, 636, 637, 645, 675, 676, 685 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 5 Điều 113 của Luật Đất đai;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị L để lại là phần nhà đất có diện tích 2.331,6m² thuộc thửa 983, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện M (nay thuộc số 57/2 ấp L, xã Đ, huyện M).

Những người thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị L là ông Triệu Văn Nh và ông Nguyễn Văn Kh. Ông Kh chết, các con ông Kh gồm ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim V, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn

Thị Kim H là những người thừa kế phần thừa kế của ông Kh.

Buộc các con ông Kh gồm: Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim V, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim H liên đới thanh toán cho ông Triệu Văn Nh số tiền tổng cộng là 4.663.200.000 (bốn tỷ, sáu trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm nghìn) đồng. Riêng ông Nguyễn Văn H còn thanh toán cho ông Triệu Văn Nh số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/12/2013 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm các bà Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và ngày 31/12/2013, bị đơn ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 744/2013/DS-ST ngày 17/12/2013 của Toà án nhân dân huyện M, Thành phố H.

Sau khi thụ lý vụ án phúc thẩm, Tòa án Thành phố H đã ban hành: Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1321/QĐ-PT ngày 24/04/2014, thời gian mở phiên tòa 08 giờ, ngày 29/05/2014; Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2014/QĐ-PT ngày 29/05/2014; Công văn gửi Ủy ban nhân dân huyện M để xác minh nguồn gốc đất; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 506/2014/QĐPT-TĐC ngày 18/08/2014 do cần phải đợi kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân huyện M; Đến năm 2019 nguyên đơn chết, cấp phúc thẩm đã đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn vào tham gia tố tụng .

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn phát biểu: Phần đất tranh chấp có diện tích là 2.316 m², thuộc thửa 983, tờ bản đồ số 1, xã Đ, M là do ông Th và bà M (ông bà nội của bà L) đứng bộ. Ông Ch và bà L được sử dụng đất từ ông nội để lại. Căn cứ vào nguồn gốc đất và tờ phân chia đất ngày 08/02/1998 thể hiện phần đất này là di sản của bà L. Do vậy, hàng thừa kế thứ 1 của bà L gồm ông Triệu Văn Nh và Triệu Văn Kh được hưởng.

Đối với ý kiến trình bày của các con ông Kh về việc đã mua các phần đất đang quản lý, sử dụng, kê khai của ông Kh nhưng không có gì chứng minh mà các tờ khai đều thể hiện do ông Kh để lại.

Phía nguyên đơn cũng đã xem xét đến công sức quản lý của ông Kh nên chỉ yêu cầu được hưởng một nửa giá trị đất và nhà. Do nguyên đơn chỉ yêu cầu được hưởng giá trị tài sản nên việc các con ông Kh có bán diện tích đất tranh chấp cho ai, bán như thế nào cũng không ảnh hưởng đến yêu cầu của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, y án sơ thẩm và bác yêu cầu kháng cáo.

Đại diện bà Th là ông Hải, thống nhất ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn nhưng ông đề nghị Tòa án xem xét các đơn đề nghị định giá lại tài sản tranh chấp hoặc tính giá trị tài sản được chia tại thời điểm thi hành án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim A phát biểu:

Bản án sơ thẩm dân sự số 744/2013/DS-ST ngày 17/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện M đều xác định căn nhà số 57/2 ấp L, xã Đ, huyện M và phần diện tích 2.331,6m² thuộc lô 938, tờ 1, xã Đ là di sản của bà L để lại là không có cơ sở vì toàn bộ diện tích đất là do ông Nguyễn Văn Th đứng bộ, không phải do bà L đứng bộ, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất là của bà L. Quá trình quản lý sử dụng phần đất đang tranh chấp là do ông Nguyễn Văn Kh sử dụng ổn định từ trước năm 1975 cho đến nay, có kê khai đăng ký theo chỉ thị 299/TTg. Sau khi ông Kh chết, các con ông Kh tiếp tục sử dụng, kê khai nhà đất theo quy định pháp luật, có hai phần đất của ông H và ông D đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Triệu Văn Nh không hề quản lý, sử dụng phần đất nêu trên. Do đó, cấp sơ thẩm đã xác định sai di sản thừa kế.

Theo nguyên đơn trình bày thì căn nhà của bà L xây dựng có diện tích 44m² từ những năm 1948-1949 bằng gạch Blok, mái ngói âm dương. Vậy căn nhà này được xây dựng ở vị trí nào trên đất, hiện trạng ra sao chưa được sơ thẩm làm rõ mà lại định giá căn nhà do ông H xây dựng.

Hơn nữa việc phân chia di sản thừa kế của cấp sơ thẩm không đúng quy định của pháp luật. Nếu toàn bộ nhà đất trên là di sản do bà L để lại thì chỉ do

một người duy nhất quản lý sử dụng đó là ông Kh, cấp sơ thẩm không xét đến quá trình quản lý sử dụng và công sức giữ gìn, tôn tạo của người quản lý di sản mà lại chia đều cho các đồng thừa kế là không đúng quy định của pháp luật. Việc Toà án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Kim A có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hơn 4 tỷ đồng là hoàn toàn không có căn cứ vì bà A không hề được sử dụng mét vuông đất nào và cũng không được hưởng bất kỳ phần di sản nào của ông Kh để lại nhưng cấp sơ thẩm buộc bà A phải thực hiện nghĩa vụ do ông Kh để lại

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa Bản án sơ thẩm số 744/2013/DS-ST ngày 17/12/2013 của Toà án nhân dân huyện M. Tuyên xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn H trình bày: Tại cấp sơ thẩm ông có yêu cầu giám định chữ ký chữ viết trong đơn phân chia đất ngày 08/02/1998 nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện. Phần nhà đất mà nguyên đơn tranh chấp có phần diện tích đất ông đã được cấp giấy chứng nhận, là tài sản do ông đóng góp tạo lập trên ba mươi năm mới có được, trong suốt quá trình điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án nhân dân huyện M đã không khách quan trung thực và phán quyết kết quả không chính xác, đây không phải là di sản của bà L nên đề nghị bác đơn của ông Triệu Văn Nh về việc yêu cầu phân chia nhà đất. Mặt khác, ông đã làm thủ tục chuyển nhượng phần đất này cho ông Trần Hoàng Q để gán nợ.

Bà Nguyễn Thị Kim A trình bày: Bà không có liên quan gì đến phần đất tranh chấp mà Tòa án tuyên bà phải có trách nhiệm liên đới trả tiền cho nguyên đơn là không đúng.

Bà Nguyễn Thị Kim A đại diện hợp pháp cho bà H, ông H, bà T trình bày: Nhà đất của ông D, bà H nằm trong phần đất mà nguyên đơn tranh chấp, diện tích nhà đất khoảng 198m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nhưng ông D, bà H đã bán hết phần đất này, bán cụ thể cho ai thì bà không biết.

Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Nhà đất của bà có diện tích khoảng 281m² thuộc phần đất nguyên đơn tranh chấp nhưng phần đất này là bà mua của ông Kh, bà đã đăng ký kê khai sử dụng, còn nhà là do bà và chồng bà là ông Nguyễn Phát T xây dựng, nay ông Tài đã chết. Nhà đất trên do bà và con bà là Nguyễn Kim Th đang ở .

Bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Phần đất bà đăng ký kê khai khoảng 389,9 m² thuộc phần đất nguyên đơn tranh chấp nhưng phần đất này là bà mua của ông Kh, bà đã đăng ký kê khai sử dụng, sau đó bà đã bán ½ diện tích, bán cho ai bà không nhớ và hiện nay phần đất bà đã bán ai đang quản lý, sử dụng bà cũng không biết. Còn nhà thì do bà xây dựng.

Bà Nguyễn Thị Kim V trình bày: Bà kê khai sử dụng phần diện tích đất khoảng 348,1m² thuộc phần đất nguyên đơn tranh chấp nhưng phần đất này là bà mua của ông Kh. Năm 2016 bà đã bán khoảng 100m², bà không nhớ họ và tên người mua. Còn phần nhà trên đất của bà hiện nay là do bà xây dựng, bà hiện đang ở với con trai là ông Vũ Thành A.

Các bà Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị H1 cho rằng nguồn gốc nhà đất tranh chấp tọa lạc tại địa chỉ 57/2 ấp L, xã Đ, huyện M thuộc thửa 983, tờ bản đồ 01 không phải là di sản của bà L nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nguồn gốc đất mà các đương sự đang tranh chấp có diện tích 2.331,6m² thuộc thửa 983 tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện M, Thành phố H là của cụ Nguyễn Văn Th và cụ Nguyễn Thị M. Cụ Th và cụ M có một người con chung là Nguyễn Văn B. Ông Bén có 03 người con là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Cận và Nguyễn Thị Ch. Ông Nguyễn Văn Kh và ông Triệu Văn Nh là con bà L, ông Nguyễn Văn Bảy là con bà Cận, ông Nguyễn Văn Lượng là con bà Chức.

Theo công văn số 64/BC - UBND ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện phần nhà đất tranh chấp tại số 57/2B ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số vào sổ 2380/2008 ngày 10/12/2008, sau đó ông D, bà H bán lại cho bà Đỗ Thị L, bà Loan bán lại cho ông Hà Đức D. Tại cấp phúc thẩm đương sự cung cấp các hợp đồng mua bán nhà giữa ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị H1 bán cho bà Lê Minh Th, bà Th bán cho bà Nguyễn Thị

Kim D phần đất thuộc thửa 249, 271 nằm trong phần đất đang tranh chấp và tại phiên tòa hôm nay, bà L khai nhà bà đang ở là do bà và chồng bà ông Nguyễn Phát T xây dựng, bà và các con bà đang ở nhưng Tòa cấp sơ thẩm chưa đưa những người liên quan trên vào tham gia tố tụng. Tòa sơ thẩm chưa xác minh làm rõ số người đang cư trú, sử dụng và chuyển nhượng nhà đất trên vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng.

Đối với phần đất tranh chấp trên đó có căn nhà số 57/2B ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị H1 được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất ngày 10/12/2008, số vào sổ 2380/2008 và phần đất của ông Nguyễn Văn H được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 956819, số vào sổ 704QSDĐ ngày 05/08/2004 thuộc thửa 249⁻², 270⁻¹ diện tích 432m², tòa án sơ thẩm chưa tiến hành xác minh làm rõ việc cấp giấy cho ông H và ông D có đúng quy định của pháp luật hay không mà xác định đây là di sản của bà L chết để lại là chưa có cơ sở vững chắc.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim L đã được ông Nguyễn Văn Kh cho đất sử dụng ổn định, ngày 17/08/1999 bà L tiến hành kê khai đăng ký theo quy định và được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 01/10/1999 với diện tích 200m²; ông Nguyễn Văn D được ông Kh cho đất, ngày 08/09/1999 ông D tiến hành đăng ký đất theo quy định với diện tích 645m² đất và nhà ở 40m², đã được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 01/10/1999. Tòa án sơ thẩm chưa xác minh làm rõ bà L, ông D đăng ký có đúng quy định hay không và phần đất này có còn là di sản của bà L để lại hay không là vi phạm về thu thập chứng cứ.

Về chia thừa kế: Án sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp là di sản thừa kế của bà L chết để lại và chia cho ông Nh 50%, các con ông Kh 50% là chưa phù hợp. Bởi lẽ, bà L chết năm 1979, sau khi bà L chết ông Kh là người quản lý, sử dụng, bảo quản tài sản gần 20 năm. Năm 1998 ông Nh mới tranh chấp thừa kế, trong trường hợp này phải tính đến công sức của ông Kh và các con của ông Kh như đơn xin phân chia đất mà ông Kh và ông Nh lập ngày 08/02/1998, ông Nh nhận 710m², có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 16/02/1998, diện tích đất còn lại là của ông Kh.

Như phân tích trên, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng cần thiết phải hủy án sơ thẩm giao cấp sơ thẩm giải quyết lại. Tuy nhiên, ông Nh đã chết những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nh có bà Triệu Thị Thu

H hiện đang định cư tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 17/12/2013, Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố H đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 744/2013/DS-ST, bị đơn và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 26/12/2013 các bà Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và ngày 31/12/2013 ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Căn cứ qui định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì kháng cáo của ông H và các bà V, L, H, A, H1 còn trong hạn luật định nên chấp nhận

[2]. Về tố tụng:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà Th đã nộp cho Tòa án trích lục khai tử (bản sao) số 295/TLKT-BS ngày 05/09/2019 của Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 5, Thành phố H thể hiện ông Triệu Văn Nh (nguyên đơn) chết ngày 27/08/2019 nên đưa bà Trần Thị Th là vợ, các ông (bà) Triệu Thị Thu H1, Triệu Tiến Đ, Triệu Tiến D, Triệu Tiến Đ1, Triệu Tiến Đ2, Triệu Phúc Đ3, Triệu Phúc V, Triệu Thị Thu H là con của ông Nh vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Triệu Văn Nh. Bà Triệu Thị Thu Hà hiện đang cư ngụ tại 1017N Euclid St, Santa Ana CA 92703-USA, bà Hà đã ủy quyền cho ông Triệu Phúc V.

Theo trích lục khai tử (bản sao) số 1598/TLKT-BS ngày 16/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M thể hiện ông Nguyễn Văn D chết ngày 16/11/2019 nên đưa bà Nguyễn Thị H1 là vợ, ông (bà) Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Minh H là con của ông D vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Triệu Thị Thu H1, ông Triệu Tiến Đ, ông Triệu Tiến D, ông Triệu Tiến Đ1, ông Triệu Tiến Đ2, ông Triệu Phúc Đ3

và ông Triệu Phúc V có đơn xin xét xử vắng mặt; Các ông (bà) Lê Tự L, Phạm Thị Bích H, Trần Thị Song Th, Nguyễn Trần Hoàng D, Huỳnh Thị M, Huỳnh Chí T, Lê Thị Y, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Văn D1, Sơn H, Cô Thị H, Huỳnh Thị Chí Q, Huỳnh Văn C, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thị Kim X, Phạm Ngọc Th, Ngô Thị H, Huỳnh Tấn B, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị T1, Huỳnh Minh A, Nguyễn Thị D, Lê Minh D, Vũ Quốc T, Nguyễn Thị Kim Ch, Tăng Huệ B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về nội dung: Qua lời trình bày của các đương sự tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, xét kháng cáo của ông H và các bà V, A, L, H, H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Phần nhà đất mà các đương sự đang tranh chấp thừa kế có diện tích 2.331,6m² tọa lạc tại xã Đ, huyện M, theo tài liệu 299/TTg thuộc thửa 983, tờ bản đồ số 1 theo tài liệu năm 1998, thuộc tờ bản đồ số 24 theo tài liệu năm 2005 được thể hiện trong Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên và môi trường Thành phố H lập theo hợp đồng số 76131 /CN HM ngày 26/8/2011) có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Th và bà M đứng bộ. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện : Ông Th và bà M có 01 người con là ông Nguyễn Văn B. Ông B có 03 người con là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Ch. Bà L có 03 người con là ông Nh và ông Kh và bà K (chết lúc còn nhỏ), ông Nh lấy họ cha, còn ông Kh lấy họ mẹ (ông H, bà A, bà Vĩnh, bà Hoa, bà L, bà H là con ông Kh), bà Cận có 01 người con là ông B, bà Ch có 01 người con là ông L. Sau khi ông Th chết, bà L là mẹ ông Nh và ông Kh đã sử dụng phần đất này. Sau khi bà L chết thì ông Kh tiếp tục sử dụng phần đất này từ năm 1968 cho đến nay.

[3.2] Ông Nh và ông Kh tranh chấp phần đất nêu trên từ năm 1998 đã được Ủy ban nhân dân các cấp giải quyết bằng các Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai từ Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân huyện M đến Ủy ban nhân dân Thành phố H. Tuy nhiên, do trên đất tranh chấp có căn nhà của bà L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3.3] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và xét xử vụ án “Tranh chấp thừa kế” giữa nguyên đơn là ông Triệu Văn Nh với bị đơn là ông Nguyễn Văn H, xác

định di sản nhà, đất nêu trên có nguồn gốc là của bà L nên xác định đây là di sản thừa kế của bà L chết để lại là chưa có cơ sở vững chắc, bởi lẽ:

Nguồn gốc đất này là của ông Th và bà M đứng bộ. Sau khi ông Th và bà M chết, bà L là người quản lý, sử dụng. Theo tài liệu CT 299/TTg, ông Nguyễn Văn Kh là người đăng ký phân đất này với diện tích 2.097m². Mặt khác, trên phần đất này, ông Nguyễn Văn H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 704.QSDĐ/Q4 ngày 05/8/2004 với diện tích là 432m², ông Nguyễn Văn D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2380 ngày 10/12/2008 đối với diện tích 193m², bà Nguyễn Thị Kim L kê khai sử dụng diện tích khoảng 349,5m², bà Nguyễn Thị Kim H kê khai sử dụng diện tích khoảng 333,6m², bà Nguyễn Thị Kim V kê khai sử dụng diện tích khoảng 348,1m² (theo Công văn số 124/2009 ngày 03/07/2009 của Ủy ban nhân dân xã Đ, Công văn số 1010/UBND ngày 02/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện M; Công văn số 101/VPĐK ngày 19/01/2015 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện M). Từ đó cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ quá trình sử dụng, quản lý, kê khai, đăng ký của bà L theo qui định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và chưa tiến hành thu thập chứng cứ để xác định việc kê khai đăng ký của ông Kh theo tài liệu CT 299/TTg cũng như việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và ông D có đúng qui định pháp luật không mà xác định phần đất tranh chấp trên là di sản thừa kế của bà L là chưa phù hợp với qui định pháp luật. Bên cạnh đó, trong phần nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm lúc thì cho rằng nhà đất này có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Th đứng bộ, lúc thì cho rằng nguồn gốc nhà đất này là của bà L nên có mâu thuẫn.

[3.4] Tại Văn bản số 64/BC-UBND ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M xác định trên phần đất đang tranh chấp ngoài căn nhà số 57/2 ấp L, xã Đ do ông H đang ở thì còn nhiều căn nhà khác nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết. Cụ thể:

- Căn nhà số 57/2F ấp L, xã Đ là trụ sở Công ty Sao Vàng do ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị H1 tự xây dựng, kết cấu tường gạch, mái tole và một lầu. Phía sau có 06 phòng trọ (ông D và bà H đã tự phân lô và bán bằng giấy tay cho nhiều người, chưa xác định được người mua) và một căn nhà cấp 4 kết cấu tường gạch, mái tole do ông Huỳnh Minh A là chủ sở hữu, ông Ái mua của ông D và bà H chưa được cấp giấy chứng nhận.

- Căn nhà số 57/2B kết cấu tường gạch mái tole do ông Hà Đức D nhận chuyển nhượng của bà Đỗ Thị L (bà L nhận chuyển nhượng của ông D và bà H).

- Căn nhà số 57/2P ấp L, xã Đ do bà Nguyễn Thị Kim H là chủ sở hữu được xây dựng từ năm 1989.

- Căn nhà số 57/2L ấp L, xã Đ do bà Nguyễn Thị Kim L là chủ sở hữu được xây dựng từ năm 1991 và có một dãy phòng trọ ở phía sau.

- Căn nhà số 57/2A ấp L, xã Đ do bà Nguyễn Thị Kim V là chủ sở hữu được xây dựng từ năm 1990, cạnh căn nhà này còn có 14 ngôi mộ của gia đình bà V.

Mặt khác, công văn trên thể hiện, nhà đất của ông D và bà H đã bán cho bà L, bà L đã bán cho ông D. Trong giai đoạn phúc thẩm đã thu thập được các tài liệu: Hợp đồng mua bán nhà ngày 18/9/2000 giữa ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị H1 với cho bà Lê Minh Th đối với căn nhà số 57/2F ấp L, xã Đ, huyện M, tổng diện tích 72m², ngang 4m, dài 18m; Hợp đồng mua bán nhà ngày 15/5/2013 giữa ông Nguyễn Văn D với bà Lê Minh Th đối với căn nhà trọ 57/2F ấp L, xã Đ diện tích 16m² (3,5m x 4,5m); Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/9/2016 giữa bên bán bà Lê Minh Th, bên mua bà Nguyễn Thị Kim D với diện tích lô đất chuyển nhượng là 4mx18 m+ 3,5mx4,5m + 3,7mx4,7m thuộc thửa 249, 271, tờ bản đồ số 4 xã Đ, huyện M. Tại phiên tòa hôm nay, ông H khai đã bán phần đất của ông cho ông Trần Hoàng Q, bà L khai nhà bà đang ở do bà và chồng bà là ông Nguyễn Phát T cùng xây dựng, các con bà hiện nay đang ở trên đây. Toà sơ thẩm chưa xác minh làm rõ những người đang cư trú, sử dụng, chuyển nhượng nhà đất trên để đưa vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng.

[3.5] Tại cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H có đơn ngày 16/12/2013 yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong đơn phân chia đất ngày 08/02/1998 nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện là vi phạm về việc xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự, bởi lẽ nội dung trong đơn phân chia đất trên cũng là một trong những chứng cứ để xem xét xác định di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế.

Do các thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được, cần phải hủy bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi của các đương sự nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của

người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đại diện của bà Th, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông H và các bà V, A, L, H và H1, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Thành phố H về việc hủy bản án sơ thẩm.

[3.6] Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, Tòa án có nhận được các đơn đề ngày 02/07/2020; ngày 02/11/2020; ngày 22/03/2021 của ông Nguyễn Hồng H yêu cầu Tòa án trung cầu định giá lại tài sản tranh chấp và tại phiên tòa hôm nay, ông H vẫn giữ yêu cầu trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của ông Hải sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết khi thụ lý lại vụ án.

[3.7] Ông Triệu Văn Nh chết, một trong những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nh là bà Trieu H Thi Thu (Triệu Thị Thu H), sinh năm 1975 có địa chỉ: 1017 N Euclid St, Santa Ana CA 92703 – USA nên giữ lại hồ sơ vụ án tại Tòa án nhân dân Thành phố H để giải quyết sơ thẩm lại theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử quyết định hủy Bản án dân sự sơ thẩm 744/2013/DS-ST ngày 17/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố H và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3.8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần là hủy bản án dân sự sơ thẩm nên ông H và các bà: A, H, L, V, H1 không phải chịu án phí.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Kim V, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H1

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 744/2013/DS-ST ngày 17/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố H.

3. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân Thành phố H thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xem xét, quyết định khi vụ án được xét xử lại.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Hoàn cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AE/2011/00935 ngày 02/01/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố H.

- Hoàn cho bà Nguyễn Thị Kim A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AE/2011/00942 ngày 06/01/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố H.

- Hoàn cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AE/2011/00941 ngày 06/01/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố H.

- Hoàn cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AE/2011/00943 ngày 06/01/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố H.

- Hoàn cho bà Nguyễn Thị Kim V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AE/2011/00944 ngày 06/01/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố H.

- Hoàn cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AE/2011/00945 ngày 06/01/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố H.

6. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Cương

